

THỰC TRẠNG NGUỒN LAO ĐỘNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2019 - 2023

TS. Phạm Thu Hằng*

Theo xu hướng tất yếu của quá trình chuyển đổi số, các yếu tố nguồn lực trong nền kinh tế đặc biệt là nguồn lao động cần có những giải pháp cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số hiện nay. Lực lượng lao động Việt Nam có quy mô tương đối dồi dào, độ tuổi trẻ, nhưng bên cạnh đó chất lượng lao động hiện nay đang được nhận định ở mức thấp so với yêu cầu thích ứng với nền kinh tế số giai đoạn trước mắt và trong dài hạn. Điều này thể hiện ở: (i) Tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp, thiếu kỹ năng nghề nghiệp và thiếu kỹ năng học tập suốt đời; (ii) Số lao động làm các công việc thiếu ổn định chiếm tỷ trọng lớn; (iii) Cơ cấu dịch chuyển lao động chững lại trong những năm gần đây. Theo đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện chất lượng nguồn lao động Việt Nam thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số, bao gồm: (i) Đẩy mạnh đổi mới phương pháp đào tạo toàn diện; (ii) Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ đào tạo và huy động vốn cho nguồn lao động chuyển đổi số; (iii) Xây dựng mô hình gắn kết đào tạo với thị trường lao động; (iv) Thực hiện tốt công tác dự báo nguồn nhân lực định hướng cho nguồn lao động.

• Từ khóa: chất lượng nguồn lao động, nền kinh tế số, Việt Nam.

According to the inevitable trend of digital transformation, urgent solutions needed to be applied to improve labor quality to meet the requirements of the upcoming digital economy in Vietnam. Vietnam's labor force is relatively large-sized and young-aged, however, the quality of labor is currently considered low compared to the requirements to adapt to the digital economy. The state of labor quality in Vietnam is reflected in: (i) Low rate of trained workers, lack of vocational skills and lack of lifelong learning skills; (ii) The number of workers working in unstable jobs accounts for a large proportion; (iii) The labor mobility structure has stagnated in recent years. Accordingly, the study proposes a number of solutions to improve the quality of Vietnam's labor force to adapt to the context of digital transformation, including: (i) Promoting innovation in comprehensive training methods; (ii) Complete policies to support training and mobilize capital for digitally transformed workforce; (iii) Build a model that links training with the labor market; (iv) Perform well the work of human resource forecasting to guide the labor source in the future.

• Key words: labor quality, digital economy, Vietnam.

JEL codes: E24, J21, O15

Ngày gửi bài: 01/3/2024

Ngày gửi phản biện: 12/3/2024

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 07/5/2024

Ngày chấp nhận đăng: 16/5/2024

* Học viện Ngân hàng

1. Tổng quan chung về nền kinh tế số

Khái niệm về nền kinh tế số

Kinh tế số (KTS) dần trở thành thuật ngữ quen thuộc trong những năm gần đây và trở thành một trong những nội dung kinh tế - xã hội được quan tâm nghiên cứu rộng rãi toàn cầu. Khái niệm về nền KTS được hoàn thiện theo thời gian và ngày càng phản ánh được nhiều góc cạnh, cũng như cập nhật những xu hướng dịch chuyển về công nghệ cũng như các tương tác kinh tế - xã hội - môi trường của thời đại.

Năm 1996, lần đầu tiên cụm từ KTS được nhắc đến trong nghiên cứu của Tapscott. Tuy rằng chưa định nghĩa được rõ ràng về nền KTS, nhưng một số đặc điểm của nền KTS cũng được tác giả nhắc đến khá rõ ràng như “thời đại trí tuệ kết nối mạng” trong đó những “kết hợp trí tuệ, kiến thức và sự sáng tạo để tạo ra những đột phá trong việc tạo ra của cải và phát triển xã hội” (Tapscott, 1996).

Nhiều nghiên cứu sau đó đã tập trung vào nền KTS, và OECD (2013) đã định nghĩa nền KTS là: một nền kinh tế cho phép và thúc đẩy các hoạt động thương mại và dịch vụ thông qua thương mại điện tử trên internet.

Tiếp đó, KTS như một nội dung thời đại cuốn hút các nhà nghiên cứu đa lĩnh vực cùng nỗ lực chỉ ra những đặc điểm của một nền KTS và vai

trò của nó đối với sự phát triển chung của con người. Báo cáo của G20 (2016) đã chỉ ra nền KTS là nền kinh tế thúc đẩy hàng loạt các hoạt động kinh tế bao gồm việc sử dụng số hóa thông tin và tri thức là yếu tố then chốt của sản xuất, mạng thông tin hiện đại như một không gian hoạt động quan trọng và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) như động lực quan trọng của tăng trưởng năng suất và cơ cấu kinh tế tối ưu hóa”.

Gần đây, khái niệm về nền KTS được OUP (2017) đưa ra như sau: nền KTS là một nền kinh tế hoạt động chủ yếu bằng công nghệ số, đặc biệt là các giao dịch điện tử được thực hiện qua Internet.

Cho dù được định nghĩa theo cách nào, các nghiên cứu về nền KTS đều hội tụ về một số đặc điểm chung cơ bản nhất định.

Một số đặc điểm chung của nền kinh tế số

Cơ sở hạ tầng: Sự sẵn có và chất lượng của cơ sở hạ tầng kỹ thuật số bao gồm mạng băng thông rộng, kết nối di động và nền tảng kỹ thuật số đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nền kinh tế kỹ thuật số. Nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật số ngày càng tăng do tính tiện ích, hiệu quả và tiết kiệm chi phí từ các sản phẩm số.

Kỹ năng số: Trình độ hiểu biết và kỹ năng số của người dân ảnh hưởng đến sự tham gia và năng suất trong nền kinh tế số. Trong nền KTS, đại bộ phận người dùng đều có những khả năng, kỹ năng số nhất định. Đầu tư vào giáo dục và nghiên cứu trong các lĩnh vực như khoa học máy tính, công nghệ thông tin và khoa học dữ liệu là rất cần thiết để bồi dưỡng lực lượng lao động lành nghề và thúc đẩy tiến bộ công nghệ trong nền kinh tế kỹ thuật số.

Sự hỗ trợ từ Chính phủ: Các chính sách hỗ trợ của chính phủ, đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và các sáng kiến thúc đẩy áp dụng kỹ thuật số được quan tâm nghiên cứu và được áp dụng hiệu quả. Chính phủ tạo ra môi trường pháp lý chặt chẽ, thuận lợi, các chính sách và quy định quản lý công nghệ kỹ thuật số, quyền riêng tư dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ và thương mại điện tử cần được hoàn thiện theo xu hướng thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế kỹ thuật số trong dài hạn.

Kết nối toàn cầu: Việc tích hợp vào các mạng kỹ thuật số toàn cầu và tham gia vào thương mại kỹ thuật số xuyên biên giới là rất quan trọng để tận dụng các cơ hội quốc tế trong nền kinh tế kỹ thuật số.

Yêu cầu đặt ra đối với nguồn lao động trong nền kinh tế số

Một trong những điều kiện quan trọng thúc đẩy nền KTS là nguồn lao động cần có hiểu biết về công nghệ số, đi kèm theo đó là những kỹ năng đặc thù nghề nghiệp tích hợp với công nghệ số trong hoạt động lao động theo ngành nghề. Với rất nhiều quan điểm đa chiều từ các góc nhìn khác nhau xoay quanh nguồn lao động, các nghiên cứu đều khá thống nhất rằng, trong nền KTS nguồn lao động cần cải thiện về chất lượng với những điểm đặc thù như sau:

Có hiểu biết và kỹ năng cao trong môi trường số: Việc áp dụng công nghệ kỹ thuật số thường đòi hỏi người lao động phải tiếp thu các kỹ năng mới. Những kỹ năng này có thể bao gồm khả năng sử dụng thành thạo các công cụ kỹ thuật số, phân tích dữ liệu, mã hóa hoặc hiểu các hệ thống phức tạp như thuật toán học máy.

Có khả năng tự học tập suốt đời thích ứng với công nghệ ngày càng hiện đại: Khi công nghệ tiếp tục phát triển, nhu cầu đào tạo lại kỹ năng và học tập suốt đời ngày càng trở nên quan trọng đối với người lao động để duy trì sự phù hợp trong thị trường việc làm. Các sáng kiến giáo dục và nâng cao kỹ năng liên tục là điều cần thiết để thích ứng với nhu cầu thay đổi của nền kinh tế kỹ thuật số.

Hợp tác và sáng tạo: Mặc dù tự động hóa có thể thay thế một số nhiệm vụ nhưng nó cũng mở ra những cơ hội mới cho sự hợp tác và sáng tạo. Những người lao động có kỹ năng, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo tốt thường có vị thế tốt hơn để tận dụng công nghệ kỹ thuật số nhằm nâng cao năng suất và đổi mới.

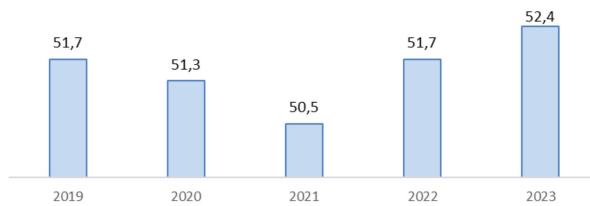
2. Thực trạng nguồn lao động tại Việt Nam

Trước hết, thực trạng nguồn lao động tại Việt Nam thể hiện qua bức tranh chung tổng thể trong giai đoạn 2019 - 2023 như hình 1.

Có thể nói lực lượng lao động Việt Nam khá dồi dào, trong năm 2019 con số này lên tới 51,7 triệu người, chiếm tỷ lệ rất lớn trên tổng dân

số Việt Nam. Tuy nhiên, trước ảnh hưởng tiêu cực của Covid trong giai đoạn 2020 - 2022, lực lượng lao động Việt Nam giảm xuống đáng kể, chỉ đạt mức 50,5 triệu người vào năm 2021. Tuy nhiên, với nguồn lực dồi dào, giai đoạn hậu Covid, lực lượng lao động gia tăng đáng kể và nhanh chóng. Đến năm 2023, lực lượng lao động đạt con số 52,4 triệu người.

Hình 1: Lực lượng lao động Việt Nam giai đoạn 2019 - 2023 (Triệu người)

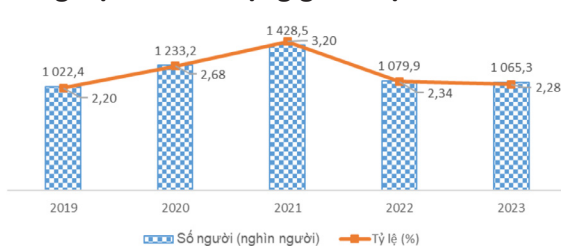


Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2024.

Theo số liệu cụ thể hơn của Tổng cục Thống kê Việt Nam (2024) thì: trong năm 2023 có tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đạt mức rất cao (68,9%). Trong đó, nam chiếm 75,2% và nữ chiếm 62,9%. Cả hai nhóm lực lượng lao động nam và nữ đều gia tăng đáng kể so với năm 2022 (mức tương ứng là 0,2 và 0,4 điểm phần trăm).

Trong lực lượng lao động, tình trạng việc làm và thất nghiệp cụ thể được thể hiện trong hình 2.

Hình 2: Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động giai đoạn 2019 - 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2024.

Tương tự như hình 1, trong hình 2, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động giai đoạn 2019 - 2023 cũng đạt giá trị rất lớn vào năm 2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid trên toàn cầu. Con số này có xu hướng giảm mạnh trong năm 2022, tuy nhiên năm 2023 không cải thiện được đáng kể so với năm 2022.

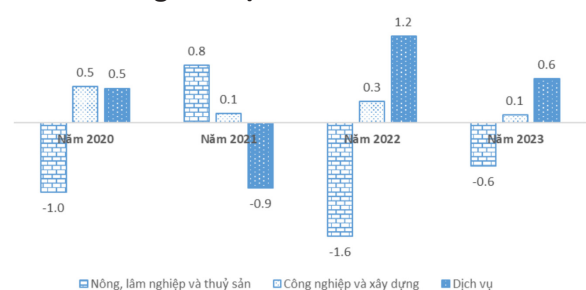
Theo công bố của Tổng cục Thống kê Việt Nam (2024): Số lượng người thất nghiệp trong độ tuổi lao động của năm 2023 là khoảng 1,07 triệu người. Con số này đã giảm 14,6 nghìn người

so với năm trước. Như vậy, tính theo tỷ lệ thất nghiệp thì năm 2023 chỉ số này là 2,28% (giảm khoảng 0,06 điểm phần trăm so với năm 2022).

Như vậy, năm 2023 so với năm 2022 đã có tiến triển trong việc cải thiện tình trạng thất nghiệp. Các giải pháp và các gói cứu trợ hậu Covid của Chính phủ đã được sử dụng hiệu quả trong công tác tạo việc làm và giảm thất nghiệp như kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đề ra. Tuy nhiên, các kết quả này được kỳ vọng sẽ tích cực hơn nữa. Đi kèm theo những dấu hiệu tích cực của cải thiện thất nghiệp, đồng thời người lao động được đào tạo nâng cao chất lượng công việc và năng suất lao động đáng kể trong năm 2023 so với trước đó.

Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế số, sự phân bổ lao động giữa các khu vực là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá bức tranh toàn cảnh về nguồn lao động. Hình 3 cho biết sự tăng giảm về tỷ trọng lao động trong các khu vực qua các năm từ 2020 đến 2023.

Hình 3: Tăng giảm tỷ trọng lao động có việc làm trong các khu vực kinh tế giai đoạn 2020 - 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2024

Xu hướng chung trong giai đoạn này là khu vực nông nghiệp có xu hướng giảm tỷ trọng lao động có việc làm, theo đó, tỷ trọng ở khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ gia tăng. Trong đó, khu vực dịch vụ có xu hướng biến động lớn trong 4 năm, và có mức gia tăng lớn hơn so với khu vực công nghiệp - xây dựng. Một trong những kết quả của phát triển KTS là khu vực dịch vụ thật sự đóng vai trò quan trọng nhất trong cơ cấu kinh tế dưới hai góc độ: tạo ra giá trị tăng trưởng và tạo ra việc làm cho người lao động. Trong năm 2021, xu thế này bị tác động bởi đại dịch Covid nên khu vực nông nghiệp là khu vực duy nhất có thể duy trì hoạt động đồng thời thu hút và duy trì lao động hoạt

động trong khu vực này. Đến năm 2022, có sự dịch chuyển rất lớn của lực lượng lao động có việc làm từ khu vực nông nghiệp dịch chuyển sang khu vực công nghiệp - xây dựng và đặc biệt là dịch vụ. Đến năm 2023, mức gia tăng tỷ trọng lao động có việc làm của dịch vụ giảm về mức hội tụ (đạt giá trị khoảng 0,6 điểm phần trăm).

Cụ thể hơn, theo công bố của Tổng cục Thống kê Việt Nam (2024): Lao động đã qua đào tạo và có chứng chỉ trong năm 2023 đạt khoảng 27% (tăng lên 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022). Tuy nhiên vẫn còn khoảng 38 triệu người lao động vẫn chưa qua đào tạo cho đến cuối năm 2023. Với lộ trình chuyển đổi sang nền KTS, con số này vẫn cho thấy còn nhiều khó khăn và thách thức để có thể nâng cao trình độ chuyên môn và chất lượng người lao động. Cần có những chương trình đào tạo cụ thể và chuyên biệt phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động thích ứng bối cảnh chuyển đổi số.

Tóm lại, đánh giá về nguồn lao động của Việt Nam giai đoạn 2019 - 2023, có thể thấy một số vấn đề sau:

- Về chất lượng nguồn lao động còn nhiều hạn chế, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp, kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng học tập suốt đời của lao động còn chưa được nâng cao liên tục theo kế hoạch, lộ trình thường xuyên.

- Tuy rằng số lao động có việc làm đã gia tăng và được cải thiện đáng kể so với giai đoạn trước đó, nhưng chưa có bằng chứng thuyết phục về việc chất lượng lao động được cải thiện đáng kể. Trên thực tế, số lượng lao động làm những công việc thiếu ổn định vẫn khá lớn.

- Giai đoạn 2019 - 2023, loại trừ tác động nặng nề của Covid-19 trong những năm 2021 và 2022, sự chuyển dịch cơ cấu ngành giữa khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ năm nay dường như chậm lại. Xu hướng này cho thấy xu hướng dịch chuyển lao động chưa đáp ứng tốc độ chuyển đổi số như kế hoạch chung của Chính phủ đề ra.

3. Một số khuyến nghị

Thứ nhất, đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực. Đây là điểm cấp thiết nhất trong hệ thống giải pháp nâng cao chất lượng lao động Việt Nam trong thời gian tới. Đổi mới phương pháp đào tạo và cần đưa các quy trình đào tạo, chất lượng đầu ra của nguồn nhân lực so sánh với các quy chuẩn cụ thể của từng khu vực ngành nghề có tính đến sự phát triển của các khu vực ngành nghề trong bối cảnh số. Mọi quá trình đổi mới về phương pháp đều cần lấy trọng tâm là chuyển đổi số, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại, nâng cao công nghệ số và đưa vào quá trình đào tạo cho lao động.

Thứ hai, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, hệ thống pháp luật quy định cụ thể về đào tạo nguồn nhân lực, tạo tiền đề thuận lợi cho việc triển khai các chương trình, dự án, các hoạt động ở cấp độ vi mô và vĩ mô thuận lợi và hiệu quả. Các cơ chế, chính sách này sẽ đóng vai trò quan trọng tạo sức hút cho các nhà đầu tư và người sử dụng lao động, huy động các nguồn vốn xã hội cùng tham gia vào quá trình đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho lao động.

Thứ ba, xây dựng mô hình gắn kết giáo dục với thị trường và doanh nghiệp theo từng khu vực phù hợp với lao động. Điều này sẽ giúp người lao động trong quá trình học tập và đào tạo có nhiều cơ hội cọ xát với thực tế. Người lao động có thể phát huy năng lực tự học, năng lực tự học tập suốt đời để tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng phù hợp đặc thù ngành nghề.

Thứ tư, cần có công tác dự báo tốt về cơ cấu nhu cầu lao động trong mỗi khu vực. Từ đó có chính sách và định hướng hợp lý tập trung cho các ngành công nghệ, công nghệ mới, công nghệ cao. Theo đó, nguồn lao động được định hướng nghề nghiệp tốt hơn, bảo đảm quy mô và cơ cấu ngành nghề thích hợp cho công cuộc chuyển đổi số của nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo:

- OECD, (2013), *The Digital Economy*, OECD, Paris.
<http://www.oecd.org/daf/competition/The-Digital-Economy-2012.pdf>
 OUP, (2017), *Digital Economy*, Oxford Dictionary, Oxford University Press, Oxford.
https://en.oxforddictionaries.com/definition/digital_economy
 Tapscott, D., (1996), *The Digital Economy: Promise and Peril in the Age of Networked Intelligence*, McGraw-Hill, New York, NY.
 Tổng cục Thống kê Việt Nam (2024), Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động, việc làm quý IV và năm 2023, Tổng cục Thống kê, Hà Nội.
<https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-dan-so-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2023/#:~:text=T%C3%ADnh%20t%C3%A0i%20n%C4%83m%202023%2C%201%E1%BB%B1c,1a%20%C4%91%E1%BB%99ng%20c%E1%BB%A7a%20c%E1%BA%A3%20n%C6%B0%E1%BB%9Bc>